

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-LÀO CAI**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 13/8/2025

V/v “Yêu cầu không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp quyền nuôi con
chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Bằng;
2. Ông Trần Thanh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 7, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Lào Cai tham gia
phiên tòa:** Ông Lã Chúc Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Lào
Cai xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2025/TLST- HNGĐ -
SP ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp quyền nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 11/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hầu Thị S, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Tiến Thành, xã Bạch Ngọc, tỉnh Tuyên Quang (Trước đây
là xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang). Vắng mặt, có đơn xin xét xử
vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nông Thị
Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý. Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà
nước tỉnh Lào Cai. Có mặt

Bị đơn: Anh Vàng A Kh, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ dân phố Phan Si Păng 5, phường S, tỉnh Lào Cai (trước đây
là phường Phan Si Păng, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai) . Vắng mặt, có đơn xin xét
xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ngày và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án chị Hầu Thị S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hầu Thị S và anh Vàng A Kh thông qua tìm
hiểu và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không
đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 5 tháng 6 năm 2025 UBND
phường Phan Si Păng, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai xác nhận chị Hầu Thị S và anh
Vàng A Kh sống chung như vợ chồng. Sau khi anh chị chung sống với nhau như
vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu
thuẫn là do chị Súa bỏ đi sang Trung Quốc để làm, từ ngày bỏ đi chị Súa chỉ về
nhà 01 lần, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn của anh chị không thể khắc
phục và hòa giải được, sau mỗi lần xảy ra mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia
đình tham gia hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị Súa và anh Khay

sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm gì đến nhau, trong thời gian sống ly thân chị Súa về nhà bố mẹ ở Thôn Tiến Thành, xã Bạch Ngọc, tỉnh Tuyên Quang (Trước đây là xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) sinh sống còn anh Khay vẫn sống tại tổ dân phố Phan Sĩ Păng 5, phường S, tỉnh Lào Cai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hậu Thị S đề nghị Tòa án giải quyết xử không công nhận vợ chồng cho chị và anh Vàng A Kh.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh có 02 con chung là cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016. Khi ly hôn chị Hậu Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Vàng A Kh là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Vàng Thị Tuyết và cháu Vàng A Chi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Khay không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hậu Thị S xin nhận chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Nông Thị Thúy Hằng trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Hậu Thị S, không có ý kiến gì bổ sung. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vàng A Kh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh qua tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã được phổ biến về đăng ký kết hôn nhưng do bận công việc chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi anh chị chung sống với nhau như vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Súa bỏ đi Trung Quốc để làm không thường xuyên về nhà. Vợ chồng chị Súa và anh Khay sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đến nay tình cảm của anh chị không còn, anh Khay đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng cho anh chị.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh có 02 con chung là cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016. Khi ly hôn anh Vàng A Kh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Vàng A Kh là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Vàng Thị Tuyết và cháu Vàng A Chi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Khay không yêu cầu chị Súa cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh không có tài sản chung nên anh Khay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cũng như ý kiến của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Pháp

luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, điều 35 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hậu Thị S quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh.

- Về con chung: Giao cho anh Vàng A Kh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016 cho đến khi các cháu trưởng thành đến 18 tuổi, và chị Hậu Thị S không cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ Điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, điều 35 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên không công nhận vợ chồng giữa chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016 cho anh Vàng A Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị Hậu Thị S không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hậu Thị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Lào Cai giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Vàng A Kh. Anh Khay cư trú tại: Tổ dân phố Phan Sĩ Păng 5, phường S, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hậu Thị S và anh Vàng A Kh đều khai: Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nên về chung sống với nhau từ năm 2011, anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 nghị Quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa 10 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình. "Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng lý kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 01/01/2003... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không có đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận vợ chồng". Từ năm 2011 đến nay chị Súa và anh Khay không đăng ký kết hôn theo quy định là vi

phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đến nay chị Hầu Thị S nhận thấy giữa chị và anh Vàng A Kh có nhiều mâu thuẫn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Vàng A Kh. Xét thấy yêu cầu của chị Súa là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hầu Thị S và anh Vàng A Kh theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 của thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Hầu Thị S và anh Vàng A Kh có 02 người con là cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016, quá trình giải quyết tòa đã lấy ý kiến hai con chung, cháu Tuyết và cháu Chi, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố, từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn chị Súa không ở nhà cả 02 con chung vẫn sinh sống cùng với anh Vàng A Kh tại thôn Tổ dân phố Phan Si Păng 5, phường S, tỉnh Lào Cai, Anh Khay cũng đã cung cấp chứng cứ mức thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng/ tháng, có xác nhận của trưởng thôn công việc của anh Khay làm nghề nông nghiệp tại địa phương là chăn nuôi, trồng cây thảo quả, làm ruộng... cuộc sống đảm bảo đủ tự cung tự cấp. Chị Hầu Thị S, anh Vàng A Kh và cháu Vàng Thị Tuyết, cháu Vàng A Chi đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết: Giao cho anh Vàng A Kh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Hầu Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của các đương sự và con chung giao cho anh Vàng A Kh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016 đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Hầu Thị S và anh Vàng A Kh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hầu Thị S phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, điều 35 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử vắng mặt chị Hầu Thị S và anh Vàng A Kh.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hầu Thị S. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hầu Thị S và anh Vàng A Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị Tuyết, sinh ngày 14/9/2013; Cháu Vàng A Chi, sinh ngày 25/9/2016 cho anh Vàng A Kh được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hàu Thị S tạm thời không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hàu Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Hàu Thị S đã nộp theo biên lai số 0004358 ngày 29/5/2025 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lào Cai).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hàu Thị S và anh Vàng A Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 7;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND phường S;
- Lưu: VT, HSKS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Dung